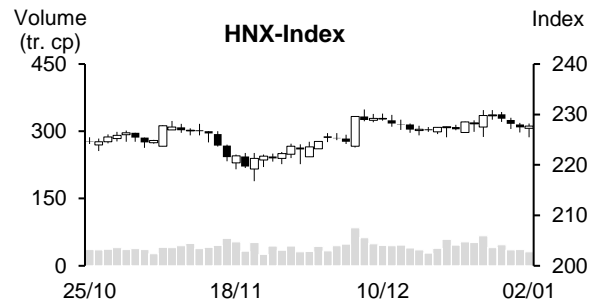
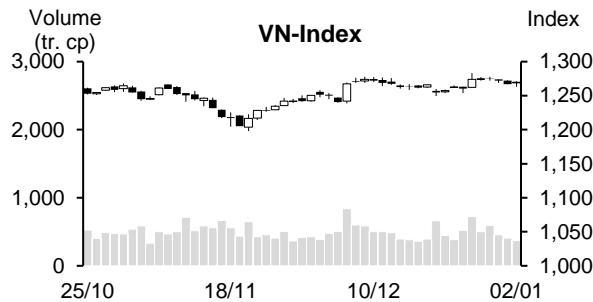


02/01/2025	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,269.71	0.23%	1,343.20	-0.12%	227.69	0.12%
Tổng KLGD (tr. cp)	428.33	-10.90%	173.25	6.00%	36.09	-11.23%
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	371.85	-8.72%	135.25	-2.83%	31.04	-14.69%
TB 20 phiên (tr. cp)	505.65	-26.46%	162.84	-16.95%	47.09	-34.08%
Tổng GTGD (tỷ VND)	10,759	-6.99%	5,779	4.56%	626	-5.42%
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	8,811	-8.00%	4,270	-7.75%	520	-14.83%
TB 20 phiên (tỷ VND)	11,767	-25.12%	5,023	-14.99%	844	-38.32%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
Số mã tăng	239	50%	12	40%	88	41%
Số mã giảm	164	34%	11	37%	72	33%
Số mã đứng giá	74	16%	7	23%	55	26%



ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên tăng điểm trở lại với biến động biên độ hẹp của các chỉ số chính. Các nhà đầu tư vẫn tỏ ra thờ ơ với thị trường chứng khoán Việt Nam khi giá trị giao dịch giảm phiên thứ ba liên tiếp và ghi nhận mức thấp nhất kể từ tháng 9/2024. Độ rộng thị trường nghiêng hơn về phía tăng với hầu hết các nhóm hồi phục trở lại sau nhịp giảm nhẹ trong nửa cuối phiên sáng. Nổi bật đã tăng một số cổ phiếu trong các nhóm như Xây dựng, Thép, Vận tải biển-Cảng biển, Dệt may, Phân bón, Bất động sản. Ngược lại, không có nhóm ngành nào giảm giá tiêu cực. Về giao dịch của khối ngoại, khối này tiếp tục có phiên bán ròng, nhưng áp lực bán đã giảm đáng kể, xuống còn khoảng 115 tỷ đồng. Lực bán tập trung chủ yếu ở cổ phiếu FPT.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về mặt kỹ thuật, đồ thị VN-Index xuất hiện nền rút chân kèm khối lượng thấp, cho thấy áp lực bán vẫn duy trì yếu. Sẽ cần nền tảng tốt theo sau để xác nhận đáy trong vùng hỗ trợ 1250-1265, trường hợp nếu chưa có được phiên xác nhận thì khả năng vẫn còn điều chỉnh nhưng kỳ vọng đã giảm vẫn chỉ ở mức yếu và giữ được vùng hỗ trợ này. Đối với HNX-Index, chỉ số cũng có phiên tăng trở lại. Tín hiệu vẫn duy trì tình trạng giằng co với khối lượng duy thấp, cho thấy áp lực bán không mạnh tại vùng hỗ trợ 224-226, sẽ cần nền tảng tốt kèm khối lượng cao để cho tín hiệu tạo đáy tại đây. Chiến lược chung có thể duy trì tỷ trọng cao, ưu tiên chú ý các nhóm như Ngân hàng, Dệt may, Phân bón, Công nghệ, Chăn nuôi heo, Hóa chất, Xây dựng, Hàng không.

Cổ phiếu khuyến nghị: Mua PVT

(Xem chi tiết ở trang 2)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT**Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PVT	Mua	03/01/2025	27.95	27.95	0.0%	30.7	9.8%	26.5	-5.2%	Tín hiệu tích lũy tốt

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DDV	Mua	09/12/2024	19.93	18.40	8.3%	21	14.1%	17	-7.6%	
2	REE	Mua	19/12/2024	67.00	67.80	-1.2%	74	9.1%	65	-4%	
3	FOX	Mua	23/12/2024	96.71	96.50	0.2%	107	10.9%	91	-6%	
4	TCM	Mua	25/12/2024	47.85	47.9	-0.1%	52	8.6%	46	-4%	
5	VPB	Mua	26/12/2024	19.15	19.2	-0.3%	21	9.4%	18.5	-4%	
6	TCB	Mua	27/12/2024	24.35	24.35	0.0%	27	11%	23.5	-3%	
7	CTD	Mua	31/12/2024	69.6	68.8	1.2%	74.5	8%	65.5	-5%	
8	ACV	Mua	02/01/2025	127.066	125.9	0.9%	144	14%	118	-6%	

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Chính thức giảm 2% thuế VAT đến giữa năm 2025

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 180/2024/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30-11-2024 của Quốc hội. Nghị định có hiệu lực từ 1-1-2025.

Theo đó, giảm 2% thuế VAT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, thực hiện từ 1-1-2025 đến hết ngày 30-6-2025. Các nhóm hàng hóa, dịch vụ về viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất; sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt... không được hưởng chính sách giảm thuế này.

PMI ngành sản xuất của Việt Nam giảm xuống dưới 50 điểm trong tháng cuối năm

Báo cáo mới nhất của S&P Global cho biết, chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 12 đã giảm xuống dưới ngưỡng 50 điểm lần đầu tiên trong ba tháng trở lại đây, chỉ đạt 49,8 điểm, giảm 1 điểm so với 50,8 điểm của tháng 11. Kết quả cho thấy các điều kiện kinh doanh tổng thể đã suy giảm nhẹ vào thời điểm cuối năm.

Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới vẫn tăng khi các công ty giảm việc làm và mức tồn kho hàng mua. Song, tốc độ tăng sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới của tháng 12 lại yếu nhất trong vòng 3 tháng trở lại đây. Tổng số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới lại giảm tháng thứ hai liên tiếp và tốc độ giảm tương đối mạnh.

Sản lượng dự kiến sẽ tăng trong những tháng tới sẽ giúp hoạt động mua hàng của các công ty đã gia tăng trở lại. Tuy nhiên, các công ty vẫn còn ngần ngại trong việc tích trữ quá nhiều hàng tồn kho, từ đó làm giảm tồn kho hàng mua cũng như tồn kho hàng thành phẩm.

Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tăng mạnh, áp lực đáo hạn đẩy lùi sang cuối 2025

Theo dữ liệu từ Bộ Tài chính, trong năm 2024, đã có 96 doanh nghiệp phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với khối lượng 396,7 nghìn tỷ đồng, tăng 33,6% so với năm 2023. Trong khi đó, khối lượng mua lại trước hạn khoảng 187 nghìn tỷ đồng (giảm 24,7% so với năm 2023).

Trên thị trường đã có 1.431 mã trái phiếu của 326 tổ chức phát hành thực hiện đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Tổng giá trị giao dịch đạt 1.026,6 nghìn tỷ đồng, giá trị giao dịch bình quân phiến đạt khoảng 4.224,8 tỷ đồng/phiến. Như vậy, có thể thấy thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã ấm lên rất nhiều trong năm qua, sau hàng loạt sóng gió trước đó.

Tính đến hết tháng 11, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp chậm các nghĩa vụ thanh toán ước khoảng 204,4 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 20% dư nợ trái phiếu doanh nghiệp của toàn thị trường, trong đó nhóm ngành bất động sản tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 69% giá trị chậm trả.

Theo đó, áp lực đáo hạn sẽ gia tăng dần và đạt đỉnh vào quý 3/2025 với lượng trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn lên tới khoảng 70 nghìn tỷ đồng gấp khoảng 1,6 lần so với cùng kỳ, các nhà phân tích của MBS cho biết.

Nguồn: Cafef, Fireant

Tin doanh nghiệp niêm yết

Lợi nhuận Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 (NT2) rơi về đáy 10 năm

Năm 2024, sản lượng điện CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Mã: NT2) ước đạt 2,72 tỷ kWh, đạt 85% kế hoạch năm. Tổng doanh thu đạt 6.093 tỷ đồng, đạt 96% kế hoạch năm nhưng lợi nhuận trước thuế của NT2 ghi nhận hoàn thành mục tiêu năm với 76 tỷ đồng. So với năm 2023, doanh thu của NT2 giảm gần 5% còn lợi nhuận giảm tới 85%. Đây cũng là con số lợi nhuận thấp nhất kể từ 2014. Tính riêng quý IV, doanh thu của NT2 đạt 1.933 tỷ đồng, tăng 61% so với cùng kỳ song lãi trước thuế giảm 76% còn 62 tỷ đồng.

Vinhomes muốn phát hành trái phiếu tối đa 6.5 ngàn tỷ đồng

Ngày 26/12/2024, HĐQT CTCP Vinhomes (HOSE: VHM) ban hành Nghị quyết về việc chào bán và phát hành trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị tối đa 6.5 ngàn tỷ đồng. Theo đó, đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm là tài sản thuộc sở hữu của VHM và/hoặc của công ty mẹ - Tập đoàn VINGROUP (HOSE: VIC) và/hoặc bên thứ ba. Trước đó vào ngày 13/12/2024, HĐQT VHM cũng thông qua phát hành trái phiếu với điều kiện, kỳ hạn tương tự nhưng giá trị chào bán tối đa là 4,000 tỷ đồng.

PGC dự kiến đạt 138 tỷ đồng lãi trước thuế 2025

Ngày 31/12/2024, HĐQT Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (HOSE: PGC) thông qua nghị quyết tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. PGC dự kiến tổng doanh thu 4,290 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế hợp nhất 138 tỷ đồng. Cổ tức tối thiểu 10%/vốn điều lệ.

Năm 2024, PGC lên kế hoạch doanh thu thuần 3,550 tỷ đồng và lãi trước thuế 138 tỷ đồng, gần như đi ngang so với kết quả 2023. So với kế hoạch năm, Tổng Công ty thực hiện được 87% chỉ tiêu doanh thu và 88% mục tiêu lợi nhuận sau 9 tháng.

Nguồn: Vietnambiz, Vietstock

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG**Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
BID	38,200	1.73%	0.09%
VCB	91,900	0.77%	0.08%
HPG	27,000	1.31%	0.04%
CTG	38,100	0.79%	0.03%
HVN	29,200	1.92%	0.02%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
NTP	65,400	2.19%	0.06%
IDC	56,000	0.54%	0.03%
VNR	22,300	1.83%	0.02%
PMC	110,000	5.77%	0.02%
CEO	13,300	0.76%	0.02%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
TCB	24,350	-1.22%	-0.04%
HDB	25,100	-1.57%	-0.03%
EIB	18,750	-2.85%	-0.02%
ACB	25,600	-0.78%	-0.02%
KDH	35,150	-2.63%	-0.02%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
KSV	102,200	-4.49%	-0.29%
DTK	13,000	-5.80%	-0.16%
VIF	16,500	-5.17%	-0.09%
HGM	218,500	-5.33%	-0.04%
BAB	11,900	-0.83%	-0.03%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
HPG	27,000	1.31%	14,970,526
HDB	25,100	-1.57%	12,602,241
MBB	25,200	0.40%	12,444,481
DXG	15,700	0.64%	9,664,795
SSI	25,950	-0.38%	8,942,824

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	12,800	0.00%	3,701,067
DST	6,100	8.93%	3,182,739
LIG	3,300	10.00%	1,482,679
MBS	28,500	-0.35%	1,401,360
VTZ	17,600	2.33%	1,287,400

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
FPT	152,000	-0.33%	480.0
HPG	27,000	1.31%	402.7
MBB	25,200	0.40%	314.1
HDB	25,100	-1.57%	311.7
VTP	144,000	5.19%	257.9

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
SHS	12,800	0.00%	47.4
IDC	56,000	0.54%	46.1
MBS	28,500	-0.35%	40.0
PVS	33,800	-0.29%	35.4
LAS	21,500	0.47%	23.0

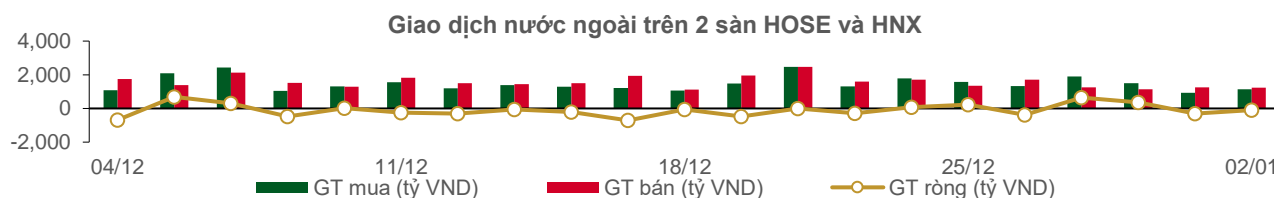
Thống kê giao dịch thỏa thuận**TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
FPT	3,018,001	451.76
STB	11,600,000	434.80
HPG	5,318,043	136.73
VIB	6,000,000	114.60
TCB	4,500,000	103.98

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
DNP	4,600,000	101.20
NDN	400,000	3.60
PSI	50,000	0.35

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	34.66	1,104.94	34.61	1,201.12	0.05	(96.17)
HNX	1.07	33.12	1.42	42.00	(0.35)	(8.88)
Tổng 2 sàn	35.73	1,138.06	36.04	1,243.11	(0.31)	(105.05)



TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
HPG	27,000	3,793,532	102.14
HDB	25,100	2,999,900	74.06
MWG	60,600	956,500	58.01
MSN	70,800	792,249	55.88
FPT	152,000	349,600	52.89

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
IDC	56,000	329,800	18.35
PVS	33,800	222,200	7.52
CEO	13,300	187,200	2.49
VTZ	17,600	42,700	0.74
IVS	10,300	59,700	0.63

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
FPT	152,000	1,823,021	274.94
VCB	91,900	811,936	74.62
HDB	25,100	2,809,800	69.29
CTG	38,100	1,388,405	52.62
HPG	27,000	1,864,443	50.00

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
IDC	56,000	308,323	17.08
PVI	61,000	127,000	7.75
SHS	12,800	447,600	5.74
VCS	63,400	37,400	2.38
VGS	31,000	67,100	2.06

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HPG	27,000	1,929,089	52.14
MSN	70,800	655,745	46.26
VGC	47,000	916,600	42.29
VTP	144,000	224,400	31.92
VCI	33,600	704,202	23.55

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVS	33,800	199,100	6.73
CEO	13,300	186,700	2.49
IDC	56,000	21,477	1.26
VTZ	17,600	42,700	0.74
VFS	16,000	18,200	0.29

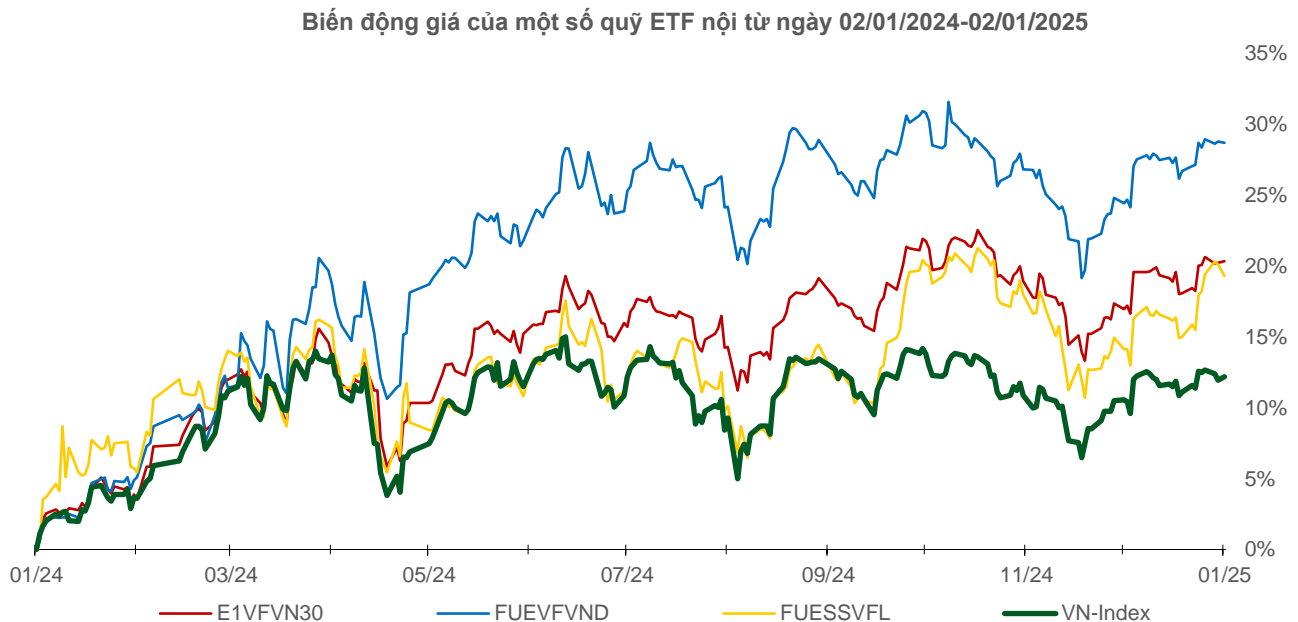
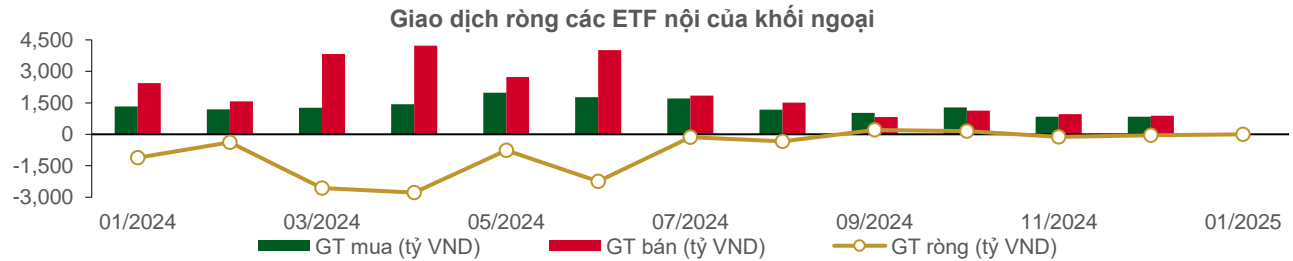
TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
FPT	152,000	(1,473,421)	(222.05)
VCB	91,900	(432,836)	(39.74)
CTG	38,100	(767,705)	(29.08)
SSI	25,950	(1,088,416)	(28.29)
EIB	18,750	(1,380,600)	(26.07)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVI	61,000	(123,500)	(7.54)
SHS	12,800	(442,700)	(5.68)
VCS	63,400	(37,400)	(2.38)
VGS	31,000	(56,900)	(1.75)
TVC	10,400	(100,700)	(1.05)

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	23,500	0.1%	198,042	4.64	E1VFN30	2.45	3.51	(1.05)
FUEMAV30	16,230	-0.3%	3,246	0.05	FUEMAV30	0.00	0.00	0.00
FUESSV30	16,680	-0.1%	156,684	2.60	FUESSV30	2.34	2.55	(0.21)
FUESSV50	20,160	0.3%	14,710	0.29	FUESSV50	0.18	0.06	0.13
FUESSVFL	21,950	-0.7%	35,130	0.77	FUESSVFL	0.60	0.01	0.59
FUEVFVND	33,500	-0.1%	359,580	12.04	FUEVFVND	1.45	0.58	0.87
FUEVN100	17,890	-0.2%	180,627	3.23	FUEVN100	0.03	1.87	(1.84)
FUEIP100	8,500	0.0%	3,603	0.03	FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	9,050	0.9%	5,100	0.05	FUEKIV30	0.04	0.00	0.04
FUEDCMID	11,820	-1.5%	2,305	0.03	FUEDCMID	0.00	0.03	(0.03)
FUEKIVFS	13,100	0.0%	0	0.00	FUEKIVFS	0.00	0.00	0.00
FUEMAVND	14,180	0.1%	2,800	0.04	FUEMAVND	0.03	0.01	0.03
FUEFCV50	11,430	-3.3%	4,007	0.05	FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	12,510	0.0%	0	0.00	FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	12,440	-1.0%	170,700	2.12	FUEKIVND	2.12	2.12	0.00
FUEABVND	10,250	6.8%	100	0.00	FUEABVND	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng			1,136,634	25.93	Tổng cộng	9.26	10.73	(1.48)



Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2403	630	1.6%	35,910	112	25,600	379	(251)	25,000	4.0	24/04/2025
CACB2404	860	0.0%	15,100	203	25,600	491	(369)	25,000	4.0	24/07/2025
CACB2405	880	-2.2%	10	130	25,600	334	(546)	25,500	4.0	12/05/2025
CFPT2314	7,600	-2.3%	1,870	5	152,000	7,708	108	85,750	8.6	07/01/2025
CFPT2402	7,880	2.3%	360	203	152,000	5,807	(2,073)	134,060	4.0	24/07/2025
CFPT2403	6,920	7.0%	480	112	152,000	5,179	(1,741)	134,060	4.0	24/04/2025
CFPT2404	3,720	9.4%	2,440	302	152,000	2,441	(1,279)	120,160	14.9	31/10/2025
CFPT2405	3,800	1.3%	100	222	152,000	2,396	(1,404)	134,060	9.9	12/08/2025
CFPT2406	1,040	-7.1%	30,710	83	152,000	399	(641)	147,660	24.8	26/03/2025
CFPT2407	1,140	-5.0%	3,750	175	152,000	333	(807)	158,690	24.8	26/06/2025
CHDB2401	740	-7.5%	2,350	83	25,100	391	(349)	25,020	3.3	26/03/2025
CHPG2334	70	16.7%	291,690	5	27,000	54	(16)	26,810	7.3	07/01/2025
CHPG2339	10	0.0%	33,830	0	27,000	4	(6)	27,470	1.8	02/01/2025
CHPG2402	1,000	66.7%	27,140	137	27,000	364	(636)	28,180	2.7	19/05/2025
CHPG2403	170	13.3%	41,910	61	27,000	23	(147)	30,500	4.0	04/03/2025
CHPG2406	1,100	2.8%	9,270	295	27,000	455	(645)	28,000	4.0	24/10/2025
CHPG2407	840	6.3%	246,160	112	27,000	478	(362)	26,000	4.0	24/04/2025
CHPG2408	990	4.2%	27,540	203	27,000	464	(526)	27,000	4.0	24/07/2025
CHPG2409	1,750	9.4%	43,720	302	27,000	1,156	(594)	25,000	3.0	31/10/2025
CHPG2410	1,110	0.0%	0	222	27,000	373	(737)	28,000	4.0	12/08/2025
CHPG2411	500	4.2%	160	83	27,000	58	(442)	30,000	4.0	26/03/2025
CHPG2412	560	-1.8%	33,490	175	27,000	94	(466)	31,330	4.0	26/06/2025
CMBB2315	1,440	4.4%	471,300	5	25,200	1,446	6	19,570	3.9	07/01/2025
CMBB2402	1,820	20.5%	87,580	137	25,200	1,308	(512)	23,480	2.0	19/05/2025
CMBB2404	1,350	8.9%	88,540	61	25,200	1,061	(289)	23,500	2.0	04/03/2025
CMBB2405	670	4.7%	13,520	203	25,200	405	(265)	26,000	4.0	24/07/2025
CMBB2406	600	9.1%	165,170	112	25,200	387	(213)	25,000	4.0	24/04/2025
CMBB2407	1,550	9.9%	309,100	302	25,200	1,049	(501)	26,000	2.0	31/10/2025
CMBB2408	630	8.6%	120	83	25,200	74	(556)	27,780	5.0	26/03/2025
CMBB2409	720	2.9%	10,300	175	25,200	119	(601)	28,890	5.0	26/06/2025
CMSN2317	10	0.0%	230	0	70,800	0	(10)	86,870	8.0	02/01/2025
CMSN2401	330	57.1%	33,400	61	70,800	42	(288)	82,000	8.0	04/03/2025
CMSN2404	1,840	2.8%	10,910	203	70,800	715	(1,125)	79,000	4.0	24/07/2025
CMSN2405	1,100	2.8%	34,410	112	70,800	375	(725)	79,000	4.0	24/04/2025
CMSN2406	1,310	0.0%	750	302	70,800	693	(617)	79,000	6.0	31/10/2025
CMSN2407	420	16.7%	600	83	70,800	44	(376)	83,460	10.0	26/03/2025
CMSN2408	520	6.1%	20,950	175	70,800	116	(404)	85,680	10.0	26/06/2025
CMWG2314	920	0.0%	234,630	5	60,600	912	(8)	51,590	9.9	07/01/2025
CMWG2401	1,960	40.0%	11,820	137	60,600	619	(1,341)	65,480	4.0	19/05/2025
CMWG2403	540	1.9%	42,410	61	60,600	279	(261)	64,490	5.0	04/03/2025
CMWG2405	1,110	-1.8%	149,760	112	60,600	479	(631)	66,000	4.0	24/04/2025
CMWG2406	1,750	0.0%	22,260	203	60,600	818	(932)	66,000	4.0	24/07/2025
CMWG2407	1,000	4.2%	178,190	302	60,600	549	(451)	70,000	6.0	31/10/2025
CMWG2408	1,130	-0.9%	1,100	130	60,600	419	(711)	65,000	6.0	12/05/2025
CMWG2409	600	-3.2%	130	83	60,600	83	(517)	68,890	10.0	26/03/2025
CMWG2410	560	-6.7%	480	175	60,600	167	(393)	70,780	10.0	26/06/2025
CPOW2315	10	-50.0%	19,190	0	12,000	0	(10)	13,460	2.0	02/01/2025
CSHB2306	10	0.0%	3,500	0	10,250	0	(10)	12,240	1.9	02/01/2025
CSHB2401	740	0.0%	0	130	10,250	64	(676)	11,500	2.0	12/05/2025
CSHB2402	670	0.0%	0	83	10,250	42	(628)	11,330	2.0	26/03/2025
CSHB2403	560	0.0%	50	175	10,250	37	(523)	12,330	2.0	26/06/2025
CSSB2401	500	-5.7%	20,870	83	16,750	12	(488)	20,000	4.0	26/03/2025

Bản tin chứng khoán

CSTB2328	520	4.0%	190,820	5	37,000	502	(18)	33,000	8.0	07/01/2025
CSTB2333	510	-8.9%	22,260	0	37,000	450	(60)	36,110	2.0	02/01/2025
CSTB2402	2,660	1.1%	30,050	137	37,000	2,505	(155)	30,000	3.0	19/05/2025
CSTB2404	1,710	2.4%	13,630	61	37,000	1,553	(157)	31,000	4.0	04/03/2025
CSTB2408	980	0.0%	43,810	112	37,000	701	(279)	36,000	4.0	24/04/2025
CSTB2409	1,320	1.5%	6,240	203	37,000	909	(411)	36,000	4.0	24/07/2025
CSTB2410	1,800	0.6%	15,400	302	37,000	1,138	(662)	38,000	3.0	31/10/2025
CSTB2411	1,940	0.0%	0	130	37,000	1,061	(879)	34,000	4.0	12/05/2025
CSTB2412	700	0.0%	2,330	83	37,000	308	(392)	38,690	4.0	26/03/2025
CSTB2413	1,030	1.0%	5,020	175	37,000	446	(584)	39,680	4.0	26/06/2025
CTCB2403	800	6.7%	20,250	302	24,350	366	(434)	26,000	5.0	31/10/2025
CTCB2404	1,080	0.0%	0	222	24,350	369	(711)	25,000	5.0	12/08/2025
CTCB2405	600	-1.6%	1,150	83	24,350	83	(517)	26,870	5.0	26/03/2025
CTCB2406	630	8.6%	14,970	175	24,350	131	(499)	27,980	5.0	26/06/2025
CTPB2403	900	0.0%	10,420	130	16,550	232	(668)	17,500	3.0	12/05/2025
CTPB2404	670	0.0%	0	83	16,550	92	(578)	17,890	4.0	26/03/2025
CTPB2405	710	-4.1%	14,000	175	16,550	112	(598)	19,000	4.0	26/06/2025
CVHM2318	10	0.0%	13,540	0	40,000	0	(10)	53,460	5.0	02/01/2025
CVHM2402	560	7.7%	98,310	61	40,000	284	(276)	41,500	4.0	04/03/2025
CVHM2406	610	0.0%	4,750	203	40,000	150	(460)	50,000	4.0	24/07/2025
CVHM2407	330	0.0%	9,750	112	40,000	62	(268)	49,000	4.0	24/04/2025
CVHM2408	1,960	8.9%	36,450	302	40,000	1,299	(661)	38,000	4.0	31/10/2025
CVHM2409	1,310	-0.8%	900	222	40,000	527	(783)	42,000	5.0	12/08/2025
CVHM2410	410	-4.7%	7,070	83	40,000	37	(373)	48,000	5.0	26/03/2025
CVHM2411	670	0.0%	0	175	40,000	81	(589)	50,560	5.0	26/06/2025
CVIB2305	410	-2.4%	44,640	5	19,700	408	(2)	17,750	4.8	07/01/2025
CVIB2402	770	28.3%	16,800	137	19,700	456	(314)	20,510	1.7	19/05/2025
CVIB2405	1,420	-0.7%	20,390	112	19,700	1,053	(367)	18,000	2.0	24/04/2025
CVIB2406	720	-4.0%	135,100	203	19,700	445	(275)	19,000	4.0	24/07/2025
CVIB2407	1,910	3.2%	10,890	302	19,700	1,369	(541)	18,000	2.0	31/10/2025
CVIB2408	1,050	0.0%	0	130	19,700	301	(749)	19,500	4.0	12/05/2025
CVIC2314	10	0.0%	7,490	0	40,550	0	(10)	54,570	5.0	02/01/2025
CVIC2404	720	-5.3%	20,680	112	40,550	288	(432)	43,000	4.0	24/04/2025
CVIC2405	1,130	-0.9%	4,000	203	40,550	478	(652)	43,000	4.0	24/07/2025
CVIC2406	420	-4.6%	3,640	83	40,550	40	(380)	46,890	5.0	26/03/2025
CVIC2407	640	14.3%	9,970	175	40,550	83	(557)	49,000	5.0	26/06/2025
CVJC2401	410	-4.7%	170	83	99,900	6	(404)	120,000	10.0	26/03/2025
CVNM2311	10	0.0%	2,680	5	63,100	0	(10)	75,230	9.4	07/01/2025
CVNM2315	10	0.0%	6,340	0	63,100	0	(10)	83,590	3.8	02/01/2025
CVNM2401	800	23.1%	78,470	137	63,100	390	(410)	63,330	7.7	19/05/2025
CVNM2405	800	-7.0%	22,410	112	63,100	284	(516)	67,470	4.0	24/04/2025
CVNM2406	1,240	-3.9%	3,920	203	63,100	443	(797)	68,460	4.0	24/07/2025
CVNM2407	990	-1.0%	10,280	302	63,100	494	(496)	67,470	6.0	31/10/2025
CVNM2408	360	-10.0%	2,010	83	63,100	5	(355)	76,270	7.9	26/03/2025
CVPB2315	10	0.0%	3,180	5	19,150	0	(10)	22,170	5.4	07/01/2025
CVPB2319	10	0.0%	15,230	0	19,150	0	(10)	22,740	1.8	02/01/2025
CVPB2401	850	19.7%	49,290	137	19,150	425	(425)	19,940	1.9	19/05/2025
CVPB2403	720	14.3%	29,190	61	19,150	415	(305)	19,000	2.0	04/03/2025
CVPB2407	410	-2.4%	195,730	203	19,150	177	(233)	21,000	4.0	24/07/2025
CVPB2408	490	-2.0%	54,300	112	19,150	188	(302)	21,000	2.0	24/04/2025
CVPB2409	820	1.2%	12,520	302	19,150	371	(449)	22,000	2.0	31/10/2025
CVPB2410	1,040	0.0%	0	222	19,150	257	(783)	21,000	3.0	12/08/2025
CVPB2411	400	-9.1%	3,110	83	19,150	77	(323)	21,670	2.0	26/03/2025
CVPB2412	700	-4.1%	10,760	175	19,150	129	(571)	22,780	2.0	26/06/2025
CVRE2320	10	0.0%	910	0	17,300	0	(10)	32,330	2.0	02/01/2025
CVRE2402	70	40.0%	26,910	61	17,300	2	(68)	23,500	4.0	04/03/2025
CVRE2405	550	5.8%	45,220	112	17,300	323	(227)	19,000	2.0	24/04/2025
CVRE2406	450	7.1%	61,080	203	17,300	272	(178)	19,000	4.0	24/07/2025
CVRE2407	1,690	9.0%	70,150	302	17,300	1,419	(271)	16,000	2.0	31/10/2025
CVRE2408	810	0.0%	0	222	17,300	293	(517)	20,000	3.0	12/08/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Bản tin chứng khoán

CVRE2409	650	0.0%	0	83	17,300	69	(581)	20,000	4.0	26/03/2025
CVRE2410	570	9.6%	40,870	175	17,300	87	(483)	21,890	4.0	26/06/2025

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: 1900 25 23 58

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,
Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn
Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3,
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận
Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà
Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận
1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải
Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801